

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng cầu Ngành : Xây dựng cầu đường Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 3
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Toán ứng dụng 2 Học Kỳ : 2 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3371010026	Nguyễn Thanh	Bình	14/02/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
2	3371010028	Trần Minh	Bí	03/01/1991	7						7.00	2.10	6.00	4.20	6	
3	3371010056	Lê Trung	Cường	01/04/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
4	3371010066	Bùi Hữu	Dũng	02/05/1990	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại
5	3371010085	Bạch Văn	Đầu	06/01/1990	7						7.00	2.10	4.00	2.80	5	
6	3271010106	Lê Bá	Đại	04/10/1988	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Bảo lưu
7	3371010106	Phạm	Độ	04/08/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
8	3371010109	Phạm Hữu	Định	12/10/1991	0						0.00	0.00	0.00	0.00	0	
9	3371010132	Trần Ngọc	Hạnh	12/07/1990	7						7.00	2.10	6.00	4.20	6	
10	3371010144	Phạm Thanh	Hải	14/07/1990	8						8.00	2.40	5.00	3.50	6	
11	3371010161	Trương Thế	Hiển	13/02/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
12	3371010163	Hán Quang	Hoạt	27/09/1989	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	Học lại
13	3371010177	Phan Đình	Huấn	15/09/1987	8						8.00	2.40	8.00	5.60	8	Học lại
14	3371010178	Ngô Đức	Hùng	12/07/1991	7						7.00	2.10	7.00	4.90	7	
15	3271010211	Nguyễn Thế	Hùng	10/03/1989	7						7.00	2.10	5.00	3.50	6	Học lại
16	3371010182	Hoàng Trọng	Huy	21/09/1991	4						4.00	1.20	6.00	4.20	5	Học lại
17	3371010229	Hồ Ngọc	Lạn	23/11/1989	8						8.00	2.40	4.00	2.80	5	
18	3371010279	Phạm Văn	Ngân	29/09/1986	6						6.00	1.80	2.00	1.40	3	
19	3371010303	Trần Văn	Nhã	28/09/1991	8						8.00	2.40	2.00	1.40	4	Học lại
20	3271010365	Trần Bá	Phi	16/12/1990	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Bảo lưu
21	3371010323	Huỳnh Tấn	Phong	10/11/1990	3	5					4.00	1.20	3.00	2.10	3	Học lại

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3371010335	Châu Hoài	Phượng	19/04/1991	6						6.00	1.80	2.00	1.40	3	
23	3371010342	Hồ Đức	Quang	12/01/1991	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
24	3371010344	La Thiên	Quang	27/02/1990	5						5.00	1.50	4.00	2.80	4	
25	3371010346	Nguyễn Gia	Quang	24/04/1991	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
26	3271010391	Ông Ngọc	Quang	28/11/1990	5						5.00	1.50	8.00	5.60	7	Học lại
27	3371010358	Hoàng Vũ	Quốc	21/01/1991	6						6.00	1.80	2.00	1.40	3	Học lại
28	3371010364	Nguyễn Văn	Quyên	29/10/1991	3	4					3.50	1.05	2.00	1.40	2	Học lại
29	3371010371	Nguyễn Thanh	Sang	08/12/1991	8						8.00	2.40	6.00	4.20	7	
30	3371010418	Trần Chí	Thanh	20/06/1989	6						6.00	1.80	1.00	0.70	3	Học lại
31	3371010427	Tô Xuân	Thắng	24/10/1991	9						9.00	2.70	6.00	4.20	7	
32	3371010431	Lương Đức	Thạnh	15/04/1990	8						8.00	2.40	3.00	2.10	5	Học lại
33	3371010437	Trần Đình	Thành	08/02/1991	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	Học lại
34	3371010439	Đặng Hồng	Thái	05/01/1990	5						5.00	1.50	6.00	4.20	6	Học lại
35	3371010450	Phan Trọng	Thị	01/03/1991	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	
36	3371010464	Nguyễn Minh	Thuận	09/07/1991	4						4.00	1.20	2.00	1.40	3	
37	3371010469	Nguyễn Xuân	Thịnh	20/11/1991	3						3.00	0.90	6.00	4.20	5	Học lại
38	3271010556	Đỗ Thương	Tín	09/03/1990	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Bảo lưu
39	3371010505	Võ Minh	Triển	29/08/1991	8						8.00	2.40	4.00	2.80	5	
40	3371010521	Nguyễn Văn	Trương	15/11/1991	6						6.00	1.80	2.00	1.40	3	Học lại
41	3371010526	Lê Nhật	Trường	22/01/1991	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
42	3371010534	Kiều Ngọc	Tuấn	20/04/1991	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
43	3371010537	Nguyễn Thanh	Tuấn	01/02/1991	7						7.00	2.10	7.00	4.90	7	
44	3271010626	Nguyễn Như	Tối	20/10/1989	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	Bảo lưu
45	3371010562	Nguyễn Văn	Tư	29/08/1991	6						6.00	1.80	7.00	4.90	7	
46	3371010576	Nguyễn Tài	Việt	09/02/1990	1						1.00	0.30	1.00	0.70	1	Học lại
47	3371010578	Trần Lê	Việt	25/07/1991	8						8.00	2.40	0.00	0.00	2	Học lại
48	3371010593	Nguyễn Tuấn	Vũ	22/01/1991	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	

STT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
				L1	L2	L3	L4	L5	L6						
49	3371010601	Đạt Văn Xuân	01/08/1991	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
50	3371010606	Đình Văn Ý	10/05/1990	7						7.00	2.10	3.00	2.10	4	

Tổng: 50.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	1	2.0
Khá	6	12.0

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	7	14.0
Trung bình	19	38.0
Không đạt	17	34.0
Miễn thi	0	0.0

Trưởng Khoa

Tp.HCM, ngày/....../.....
 Giáo Vụ Khoa